

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Biên hoà giải thành ngày 30 tháng 7 năm 2026 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 376/TLST - DS ngày 24 tháng 11 năm 2025. Về việc Tranh chấp thừa kế.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Đỗ Tuấn H**, sinh năm 1985; Căn cước số: 001085011720; Nơi cư trú tại: **X, xã Đ, Hà Nội (nay là Thôn T, xã Đ, Hà Nội)**.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh **H**: Luật sư **Nguyễn Văn Đ, Vũ T – Công ty L1 - Đoàn luật sư thành phố H**

2. Bị đơn: Ông **Đỗ Duy T1**, sinh năm 1962; CCCD số: 001062042373; Nơi cư trú tại: **Xón N, xã Đ, Hà Nội (nay là thôn U, xã Đ, Hà Nội)**.

3. Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà **Hoàng Thị X**, sinh năm 1959; CCCD số: 001159042050; Nơi cư trú tại: **X, xã Đ, Hà Nội (nay là Thôn T, xã Đ, Hà Nội)**.

3.2. Bà **Đỗ Thị Vân A**, sinh năm 1980; CCCD số: 094180008691; Nơi cư trú tại: **9, Quốc lộ A, phường M, tỉnh Sóc Trăng**.

3.3. Bà **Đỗ Thị Hoàng Y**, sinh năm 1982; CCCD số: 001182051177; Nơi cư trú tại: **Thôn N, xã Q, tỉnh Thanh Hóa**.

3.4. Ông **Đỗ Việt H1**, sinh năm 2001; CCCD số: 001201016182; Nơi cư trú tại: **X, xã Đ, Hà Nội (nay là Thôn T, xã Đ, Hà Nội)**.

3.5. Bà **Nguyễn Thị T2**, sinh năm 1964; CCCD số: 001164004164; Nơi cư trú tại: **Xóm N, xã Đ, Hà Nội (nay là thôn U, xã Đ, Hà Nội)**.

3.6. Chị **Đỗ Thị Huyền T3**, sinh năm 1988; CCCD số: 001188048368; Nơi cư trú tại: **Thôn H, xã V, Hà Nội**.

3.7. Anh **Đỗ Quang H2**, sinh năm 1989; CCCD số: 001089052229; Nơi cư trú tại: **Xóm N, xã Đ, Hà Nội (nay là thôn U, xã Đ, Hà Nội)**.

3.8. Chị **Đặng Thị P**, sinh năm 1990; CCCD số: 001190029835 (là vợ anh **H2**); Nơi cư trú tại: **Xóm N, xã Đ, Hà Nội (nay là thôn U, xã Đ, Hà Nội)**.

3.9. Bà **Đỗ Thị B**, sinh năm 1955; CCCD số: 001155003969; Nơi cư trú tại: **Xóm N, xã P, Hà Nội**.

4. Đại diện theo uỷ quyền của bà **B**, bà **X**, anh **H1**, chị **Vân A**, chị **Y**: ông **Đỗ Tuấn H**, sinh năm 1985; CCCD số: 001085011720; Nơi cư trú tại: **Thôn T, xã Đ, Hà Nội**;

5. Người đại diện theo uỷ quyền của ông **T1**, bà **T2**, chị **T3**: Anh **Đỗ Quang H2**, sinh năm 1989; CCCD số 001089052229; Nơi cư trú tại: **Thôn U, xã Đ, Hà Nội**.

6. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh **H2**: Luật sư **C – Văn phòng L2 - Đoàn luật sư thành phố H**.

II. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về quan hệ huyết thống cụ thể:

+ Cụ **Đỗ Huy L**, sinh năm 1927, chết năm 2023. Cụ **L** có vợ đầu là cụ **Nguyễn Thị T4**, chết năm 1957 và vợ hai là cụ **Nguyễn Thị H3**, sinh năm 1925 chết năm 1965. Bố mẹ cụ **L**, cụ **T4**, cụ **H3** đều đã chết trước cụ **L**, cụ **T4**, cụ **H3**.

+ Cụ **L** và cụ **T4** sinh được 01 người con: Bà **Đỗ Thị B**. Sinh năm 1955. Ngoài ra cụ **L**, cụ **T4** không có con chung, con riêng nào khác.

+ Cụ **L** và cụ **H3** sinh được 02 người con: Ông **Đỗ Duy H4**. Sinh năm 1958. Chết năm 2022. Ông **Đỗ Duy T1**. Sinh năm 1962. Ngoài ra, cụ **L** và cụ **H3** không còn con chung, con riêng nào khác.

+ Về quan hệ huyết thống gia đình ông **H4**. Ông **Đỗ Duy H4**, sinh năm 1958 chết năm 2022. có vợ là bà **Hoàng Thị X**, sinh năm 1959. Ông **H4** và bà **Xuân S** được 04 con chung là: Bà **Đỗ Thị Vân A**. Sinh năm 1980. Bà **Đỗ Thị Hoàng Y**.

Sinh năm 1982. Ông **Đỗ Tuấn H**. Sinh năm 1985. Ông **Đỗ Việt H1**. Sinh năm 2001. Ngoài ra ông **H4** và bà **X** không còn con chung, con riêng nào khác.

* Về di sản: Các đương sự thống nhất di sản của cụ **L** gồm:

+ Thừa đất số 74; tờ bản đồ số: 100; Diện tích: 463,2 m² (Đất ở tại nông thôn 300,0 m², đất trồng cây lâu năm 163,2 m²); Địa chỉ: **Xóm N, xã Đ, thành phố Hà Nội**. Trị giá 27.720.000.000 đồng đã được **UBND huyện Đ** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 501463 ngày 19/10/2003 mang tên Hộ gia đình ông **Đỗ Duy T1**, hộ khẩu số 444767. Sau đó, được cấp đổi và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, bìa số DM 328613, số vào sổ cấp GCN: CN-ĐA 00146 do **Văn phòng Đ1 – Chi nhánh huyện Đ** cấp ngày 25/8/2023 mang tên hộ ông **Đỗ Duy T1**;

+ Một phần tại thửa đất số 136, tờ bản đồ số 88, diện tích 81m², địa chỉ: **Xóm T, xã Đ, Hà Nội**. Trị giá 14.580.000.000 đồng đã được **UBND huyện Đ**, Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 607911 ngày 29/5/2003 cho hộ gia đình ông **Đỗ Duy H4**, SHK 291131.

+ Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự về việc không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết đối với “Đơn xin phân chia đất ở cho các con của cụ **L**” ghi ngày 26.3.1996.

+ Ghi nhận sự tự nguyện của các bên về việc không yêu cầu Toà án giải quyết đối với di chúc của ông **Đỗ Huy H5** ngày 24/8/2022.

+ Ghi nhận sự tự nguyện của bà **Hoàng Thị X**, bà **Đỗ Thị Vân A**, bà **Đỗ Thị Hoàng Y**, ông **Đỗ Tuấn H**, ông **Đỗ Việt H1** không yêu cầu Toà án phân chia tài sản chung và di sản của ông **H5** mà để các bên tự giải quyết.

+ Ghi nhận sự tự nguyện của bà **Đỗ Thị B** về việc từ chối nhận di sản của cụ **L** đối với 02 khối tài sản trên.

* **Các đương sự phân chia như sau:**

+ Bà **Hoàng Thị X**, bà **Đỗ Thị Vân A**, bà **Đỗ Thị Hoàng Y**, ông **Đỗ Tuấn H**, ông **Đỗ Việt H1** có quyền sở hữu và sử dụng 89,2m² đất ở trị giá 5.352.000.000 đồng trong tổng số 463.2m² tại thửa đất số 74; tờ bản đồ số: 100; Địa chỉ: **Xóm N, xã Đ, thành phố Hà Nội** được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, bìa số DM 328613, số vào sổ cấp GCN: CN-ĐA 00146 do **Văn phòng Đ1 – Chi nhánh huyện Đ** cấp ngày 25/8/2023 mang tên hộ ông **Đỗ Duy T1**. Ghi nhận sự tự nguyện của bà **Hoàng Thị X**, bà **Đỗ Thị Vân A**, bà **Đỗ Thị Hoàng Y**, ông **Đỗ Tuấn H**, ông **Đỗ Việt H1** thống nhất để cho bà **Hoàng Thị X** hưởng toàn bộ.

+ Ông **Đỗ Duy T1** có quyền sở hữu và sử dụng 374m² đất (trong đó 210.8m² đất ở và 163.2m² đất vườn) trị giá 22.440.000.000 đồng tại thửa đất số 74; tờ bản đồ số: 100; Địa chỉ: **Xóm N, xã Đ, thành phố Hà Nội** và các tài sản trên đất. Ghi nhận sự tự nguyện của ông **Đỗ Duy T1** để lại toàn bộ cho anh **Đỗ Quang H2** toàn quyền sở hữu sử dụng diện tích đất trên và các tài sản trên phần đất mình được hưởng.

Có sơ đồ ban hành kèm theo Quyết định.

+ Bà **Hoàng Thị X**, bà **Đỗ Thị Vân A**, bà **Đỗ Thị Hoàng Y**, ông **Đỗ Tuấn H**, ông **Đỗ Việt H1** có toàn quyền sở hữu và sử dụng 81m² đất ở trị giá 14.580.000.000 đồng tại thửa đất số 136, tờ bản đồ số 88, địa chỉ: **Xóm T, xã Đ, Hà Nội**. Ghi nhận sự tự nguyện của bà **Hoàng Thị X**, bà **Đỗ Thị Vân A**, bà **Đỗ Thị Hoàng Y**, ông **Đỗ Tuấn H**, ông **Đỗ Việt H1** thống nhất để cho bà **Hoàng Thị X** hưởng toàn bộ.

- Bà **Hoàng Thị X** có trách nhiệm thanh toán số tiền 400.000.000đ cho ông **Đỗ Huy T5**. Ghi nhận sự tự nguyện của ông **T5** để lại số tiền này cho anh **Đỗ Quang H2** có quyền sở hữu và nhận. Xác nhận ngày 06/8/2026, bà **Hoàng Thị X** đã giao đủ số tiền 400.000.000đ cho ông **Đỗ Quang H2**. Ông **Đỗ Quang H2** đã nhận đủ số tiền 400.000.000đ trên.

- Ông **Đỗ Duy T1**, anh **Đỗ Quang H2** có trách nhiệm phá dỡ một phần ngôi nhà 2 tầng để bàn giao phần đất của bà **Hoàng Thị X** được hưởng và chi phí phá dỡ gia đình ông **T1**, anh **H2** phải chịu. Xác nhận ông **Đỗ Duy T1**, anh **Đỗ Quang H2** đã phá dỡ một phần nhà 2 tầng và bàn giao đủ diện tích 89.2m² mà bà **Hoàng Thị X** được hưởng tại thửa đất số 74; tờ bản đồ số: 100; Địa chỉ: **Xóm N, xã Đ, thành phố Hà Nội**. Bà **Hoàng Thị X** đã nhận đủ diện tích theo *sơ đồ ban hành kèm theo Quyết định*.

- Các bên được hưởng quyền sử dụng đất đều có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích mình được hưởng theo quyết định của Tòa án.

- Ông **Đỗ Quang H2** có trách nhiệm giao lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, bìa số DM 328613, sổ vào sổ cấp GCN: CN-ĐA 00146 do **Văn phòng Đ1 – Chi nhánh huyện Đ** cấp ngày 25/8/2023 mang tên hộ ông **Đỗ Duy T1** cho các bên để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trường hợp Anh **H2** không giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên thì cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai và theo quyết định của của Tòa án hoặc có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền thực hiện theo quy định tại Luật thi hành án dân sự.

3. Ân phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Bà Hoàng Thị X là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí. Hoàn trả ông Đỗ Tuấn H số tiền 12.272.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0017221 ngày 21/11/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

3.2. Anh Đỗ Quang H2 phải chịu 130.840.000 đồng tiền án phí nhưng do các bên thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên chỉ phải chịu $\frac{1}{2}$ số tiền án phí là 65.420.000 đồng để sung vào Ngân sách Nhà nước.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 7-Hà Nội;
- Người tham gia tố tụng;
- TAND TP Hà Nội ;
- THADS TP Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án.

THẨM PHÁN

Thịnh Quang Thắng